

Tập 241

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm sáu mươi bảy:

(Sớ) Hựu thử nhất tâm, tức Đạt Ma trực chỉ chi Thiền cổ.

(Sao) Tâm thường thuyết Thiền giả húy Tịnh Độ, kim vị Đạt Ma thuyết Thiền, trực chỉ linh tri chi tự tánh dã. Thử Lý nhất tâm, chánh linh tri tự tánh cổ. Môn đình thi thiết bất đồng, nhi sở chứng vô lưỡng tâm dã. Thiện tai Trung Phong chi ngôn viết: “Thiền giả, Tịnh Độ chi Thiền. Tịnh Độ giả, Thiền chi Tịnh Độ dã”, hữu vị hồ ngôn chi dã.

(疏)又此一心，即達摩直指之禪故。

(鈔)尋常說禪者諱淨土，今謂達摩說禪，直指靈知之自性也。此理一心，正靈知自性故。門庭施設不同，而所證無兩心也。善哉中峰之言曰：禪者，淨土之禪；淨土者，禪之淨土也。有味乎言之也。

(Sớ: Nhất tâm lại chính là Thiền trực chỉ của tổ Đạt Ma.

Sao: Nói thông thường, kẻ hành Thiền kiêng kỵ Tịnh Độ, nay tôi bảo: Tổ Đạt Ma nói pháp Thiền nhằm chỉ thẳng tự tánh linh tri. Lý nhất tâm chính là linh tri tự tánh. Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau, nhưng cái tâm đã chứng thì chẳng hai. Lành thay! Ngài Trung Phong nói: “Thiền là Thiền của Tịnh, Tịnh là Tịnh của Thiền”. Lời ấy thú vị thay!)

Khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa nhằm đúng thời đại Tượng Pháp của đức Thế Tôn. Đức Phật đã từng tiên đoán: “Vào thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu. Vào thời kỳ Tượng Pháp, Thiền Định thành tựu. Vào thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu”. Phật pháp truyền đến Trung Hoa đúng một ngàn năm sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật đã diệt độ; nói cách khác, [thời kỳ] Tượng Pháp vừa mới khởi đầu. Tượng Pháp [kéo dài] một ngàn năm, có thể nói là Phật pháp trong thời kỳ Tượng Pháp đã chuyển sang Trung Hoa, cho nên Thiền Tông Trung Hoa hết sức hưng thịnh. Tịnh Độ và Thiền tiến nhập [Trung Hoa] cùng một thời đại. Nói đến sự thù thắng, thật ra, [Tịnh Độ] hoàn toàn chẳng thua kém Thiền Tông. Đến thời kỳ Mạt Pháp trong hiện tại, Thiền đã suy, thật sự thành

tự thì xác thực là chỉ có Tịnh Tông. Trong quá khứ, người tham Thiền vẫn hành trì Tịnh Độ. Ở đây, Liên Trì đại sư bảo chúng ta: Tịnh và Thiền chẳng khác nhau, nhất trí, chỉ là chọn lựa phương pháp và kỹ xảo khác nhau, mục đích hoàn toàn như nhau. “*Thử nhất tâm*” trong lời Sớ chính là nói đến Lý nhất tâm, Lý nhất tâm như Tịnh Tông đã nói chính là Thiền do tổ sư Đạt Ma truyền đến Trung Hoa, thuộc loại thượng thượng Thiền trong Thiền Tông.

Kể đó, đại sư giải thích, “*tâm thường thuyết Thiền giả hựu Tịnh Độ*” (nói thông thường, người hành Thiền kỳ hựu Tịnh Độ), “*hựu*” (諱) là bài xích, chẳng mong muốn, kiêng kỵ nói tới Tịnh Độ. Nói thật ra, đối với Thiền lẫn Tịnh, kẻ ấy đều chẳng thông suốt, đều chẳng thật sự hiểu rõ. Nếu thật sự hiểu rõ, [sẽ biết Thiền và Tịnh] là cùng một chuyện, chẳng phải là hai chuyện. Một đảng dùng phương pháp “*tín, nguyện, trì danh*” để khế nhập cảnh giới này; một đảng sử dụng phương pháp tham thoại đầu hoặc quán tâm cũng nhằm đạt tới cảnh giới này. Có thể thấy là hình thức và phương pháp khác nhau, nhưng thành tựu thật sự là nhất trí. “*Kim vị Đạt Ma thuyết Thiền*” (Nay bảo Thiền do tổ Đạt Ma đã nói), có thể nói là Lục Tổ đại sư đã trực tiếp truyền thừa tông phái do tổ sư Đạt Ma lưu truyền. Trong Đàn Kinh, Ngài đã phát huy [yếu chỉ của tông phái ấy] tới mức cạn kẽ cùng tột. Vì thế, nếu mọi người hỏi Thiền của tổ Đạt Ma là gì ư? Quý vị đọc kỹ Đàn Kinh sẽ biết. “*Trực chỉ linh tri*” (Chỉ thẳng vào linh tri), trong Thiền Tông thường nói là “*trực chỉ nhân tâm*” (chỉ thẳng vào tâm người), [tức là] “*bất lập văn tự, trực chỉ nhân tâm*” (chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người). “*Văn tự*” (文字) là nói tới Giáo, tức là hết thầy kinh điển. Thiền chẳng đồ công đốc sức tu tập nơi kinh điển. “*Trực chỉ nhân tâm*”: Thực hiện từ nơi tâm địa.

Thuở ấy, đức Phật dùng hai phương pháp giáo học khác biệt vời vợi. Đối với kẻ thượng thượng căn, Ngài bèn “*trực chỉ nhân tâm*”, chẳng cần lãng phí nhiều thời gian ngần ấy, lãng phí quá nhiều thời gian để nghiên cứu Giáo! Đối với căn tánh trung hạ, chẳng dùng Giáo sẽ không được, phải dựa theo thứ tự để từ cạn tới sâu, dạy học theo thứ tự. Trên thực tế, giống như cách giáo dục trong hiện thời, học trò trong nền giáo dục hiện thời có hai loại: Một loại là trẻ có thiên tài, loại kia là trẻ bình thường. Trẻ bình thường thì nhất định là [phải lần lượt học] Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, nghiên cứu sinh, đó gọi là Giáo Hạ. Trẻ thiên tài chẳng cần học Tiểu Học, Trung Học, Đại Học, mà trực tiếp học nghiên cứu sinh, đương nhiên loại người ấy rất ít, trong Phật môn cũng chẳng nhiều. Nếu chẳng phải là trẻ thiên tài, quý vị trực tiếp học nghiên

cứu sinh, sẽ chẳng thành tựu được gì. Nói cách khác, chẳng phải là bậc thượng thượng căn mà muốn học Thiền, chắc chắn chẳng thể thành tựu. Do vậy, sau khi Thiền Tông đã nảy nở thịnh vượng thành trào lưu tại Trung Hoa, người theo đuổi, hâm mộ rất đông! Vì thế, đúng là những kẻ chẳng tự lượng sức cũng không ít, thầy đều học theo. Người thật sự thành tựu, đừng nói ai khác, chỉ nói tới Lục Tổ Huệ Năng đại sư; người theo học với Huệ Năng đại sư chẳng phải chỉ là ngàn người, vạn người, quyết định chẳng phải chỉ có như vậy! Mấy vạn người là phỏng tính dè dặt nhất! [Pháp Bảo] Đàn Kinh cho chúng ta biết: Người thật sự học Thiền [với Lục Tổ] thành công là bốn mươi ba người! Trong Phật giáo sử Trung Hoa, đối với người học Thiền, hội ấy thù thắng nhất, có thể nói là “*không tiền khoáng hậu*” (trước đó chưa từng có, sau này chưa hề có). Trước Lục Tổ đại sư, số người được thành tựu bởi mỗi bậc đại đức Thiền Tông rất ít, từ tổ Đạt Ma cho đến Ngũ Tổ đều là “*đơn truyền*”, [nghĩa là] thầy dạy học suốt đời chỉ thành tựu một người, đến Lục Tổ mới là thù thắng khôn sánh, thành tựu bốn mươi ba người. Chúng ta xem lịch sử Thiền Tông, đệ tử thật sự đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh dưới tòa của một vị thiền sư, đại khái là một, hai, ba, bốn người. Trong một đời, Lục Tổ Huệ Năng đại sư độ nhiều người nhất, bốn mươi ba người. Do vậy ta hiểu, [hành Thiền mà nếu] chẳng phải là bậc thượng thượng căn, sẽ chẳng có phần!

Thiền Tông có phải là chẳng cần đến kinh điển hay không? Chẳng phải vậy! Thiền Tông là ngộ trước, [nghĩa là] khai ngộ trước rồi mới đọc kinh điển sau. Giáo Hạ là đọc kinh điển trước rồi sau đó mới khai ngộ, khai ngộ từ kinh giáo; vì thế, phương pháp khác nhau. Đương nhiên là sau khi đã khai ngộ, đọc kinh sẽ nhanh chóng, vừa xem liền hiểu rõ, chẳng cần phải học, mà cũng chẳng cần người khác giảng giải. Cái gọi là “*dùng kinh điển để ấn tâm*” tức là “*ấn chứng*” (印證), nghĩa là đem tri kiến về vũ trụ và nhân sinh của chính mình đối chiếu với [những lời dạy của] đức Phật, xem có phải là giống nhau hay không? Dùng kinh luận để chứng minh cách nghĩ và cách nhìn của chính mình có sai lầm hay không, cho nên đó là “*ấn tâm*” (印心). Chẳng như chúng ta hiện thời dùng kinh điển để học tập hoặc lên lớp. Chúng ta là kẻ căn tánh trung hạ, chẳng thể lìa khỏi sách giáo khoa, người thượng thượng căn chẳng cần sách giáo khoa.

Trực chỉ linh tri: “*Linh tri*” (靈知) là nhất tâm, là chân tâm, là bản tánh. Ở đây nói là “*tự tánh*”, [chữ linh tri] chỉ điều này.

(Diễn) Trục chỉ linh tri giả, Ba La Đề vân: “Tại nhãn viết kiến, tại nhĩ viết văn, tại thủ chấp tróc, tại túc vận môn, ngộ chi tắc vi Phật tánh, mê chi tắc vi tinh hồn” thị dã.

(演)直指靈知者，波羅提云：在眼曰見，在耳曰聞，在手執捉，在足運奔，悟之則為佛性，迷之則為精魂是也。

(Diễn: “Trục chỉ linh tri”: Ngài Ba La Đề nói: “Nơi mắt gọi là thấy, nơi tai gọi là nghe, nơi tay là nắm bắt, nơi chân là đi chuyển, rảo chạy. Ngộ thì là Phật Tánh, mê thì là tinh hồn”, là như thế đó).

Đây là một vị đại đức thuở đức Thế Tôn tại thế. Thật ra, kinh Lăng Nghiêm cũng nói rất rõ ràng, có ý nghĩa gần giống như chỗ này. “Linh tri” (靈知) là nói tới căn tánh của sáu căn, tức là Phật tánh. Căn tánh của sáu căn, “ngộ chi tắc vi Phật Tánh” (ngộ thì là Phật Tánh), Phật Tánh là linh tri, là tự tánh. “Mê chi tắc vi tinh hồn” (Mê thì gọi là “tinh hồn”), mê thì người Hoa gọi [tự tánh] là linh hồn (sách Diễn Nghĩa ghi là “tinh hồn”, 精魂), Phật pháp gọi nó là thần thức (神識), là A Lại Da (Ālāya-vijñāna), là thức thứ tám. Đã mê bèn gọi là thức thứ tám. Đã ngộ thì là Phật Tánh (Buddha-dhātu), còn gọi là Tứ Trí Bồ Đề (Catvari-jñāni-bodhi), nó khởi tác dụng là bốn thứ trí huệ: Đại Viên Kính Trí (Ādarsa-jñāna), Bình Đẳng Tánh Trí (Samatā-jñāna), Diệu Quán Sát Trí (Pratyavekṣaṇa-jñāna), và Thành Sở Tác Trí (Kṛty-anuṣṭhāna-jñāna). Đã ngộ bèn khởi bốn loại tác dụng ấy, đã mê bèn biến thành tám thức, tám thức tạo tác lục đạo luân hồi. Quan hệ lợi hại xác thực là rất nghiêm trọng, chớ nên không biết! Đức Phật dạy chúng ta, bất luận là Tông Môn hay Giáo Hạ, chủ ý to lớn của Đại Thừa Phật pháp là chuyển Thức thành Trí, [tức là] chuyển tám thức thành tứ trí, [hễ chuyển được thì] thành tựu trong sự tu học bèn viên mãn, ở ngay chỗ này! Vì sao Tiểu Thừa chẳng nhắc tới? Tiểu Thừa dùng A Lại Da Thức, chẳng lìa khỏi A Lại Da Thức. Do vậy, thành tựu trong Tiểu Thừa tối đa là Cữu Thứ Đệ Định (Navānupūrvā-samāpattayah), có thể vượt thoát tam giới, nhưng chưa thể kiến tánh. Chưa thể kiến tánh, sẽ chẳng có cách nào chuyển Thức thành Trí. Ất cần phải hồi Tiểu hướng Đại, lại từ trong Đại Thừa Phật

pháp thì mới có thể chứng đắc tự tánh, mới có thể đạt tới cảnh giới Lý nhất tâm bất loạn như tông này đã nói.

(Diễn) Hựu Hà Trạch vân: “Tri chi nhất tự, chúng diệu chi môn”.

(演)又荷澤云：知之一字，眾妙之門。

(Diễn: Lại nữa, ngài Hà Trạch nói: “Một chữ Biết chính là cửa để tiến nhập các điều nhiệm mầu”).

Hà Trạch là tổ sư đời thứ bảy của Thiên Tông, tức là ngài Thần Hội (神會)¹, học trò của Lục Tổ, cũng có thành tựu khá. “Tri chi nhất tự, chúng diệu chi môn” (Một chữ Biết là cửa ngõ để bước vào các điều mầu nhiệm). “Tri” (知: biết) là giác, tức giác ngộ, là “linh tri” được nói trong phần trước, chẳng phải là cái biết thông thường. Nói thật ra, sự nhận biết bình thường chẳng mầu nhiệm cho mấy, chẳng phải là “chúng diệu” (các điều mầu nhiệm). Cái biết thông thường ấy tạo thành Sở Tri Chương, biến thành thành kiến, biến thành chương ngại. Ở đây là linh tri, linh tri chính là “không gì chẳng biết” được nói trong Bát Nhã:

¹ Thần Hội (681-758), thụy hiệu là Chân Tông đại sư, là đệ tử trứ danh của Lục Tổ Huệ Năng, quê ở Tương Dương, tỉnh Hồ Bắc. Năm mười bốn tuổi, Sư tham yết Lục Tổ, hữu ngộ, dần dần nổi tiếng. Năm Khai Nguyên 18 (730) đời Đường Huyền Tông, Sư biện luận khiến cho môn đệ của ngài Thần Tú thua thê thảm, bèn trở thành nổi danh lừng lẫy, đồng thời xác lập địa vị của Thiên Đốn Ngộ phương Nam, khiến cho pháp Thiên của ngài Huệ Năng được coi là chánh thống. Năm Khai Nguyên 20 (732), trong cuộc biện luận tại Hoạt Đài, Sư đánh bại danh tăng Sùng Viễn, chính thức xác lập tông chỉ của Nam Tông, phê phán Bắc Tông Thiên của Thần Tú là “tiệm căn, tiệm tu”. Năm Thiên Bảo thứ tư (745), Sư viết Hiền Tông Ký đề cao Nam Tông Thiên, danh xưng Đốn Tông (thiền Huệ Năng) và Tiệm Tông (thiền Thần Tú) được chính thức hình thành từ đó. Do tận lực quyên góp, hô hào Phật tử đóng góp quân phí giúp nhà Đường bình định loạn An Lộc Sơn, sau khi dẹp tan loạn lạc, Đường Túc Tông đã xuống chiếu vời Thần Hội vào cung để cúng dường, đồng thời lập chùa Hà Trạch trong cung để thuận tiện cho Sư tu tập và giảng pháp. Vì thế, người đương thời bèn gọi Sư là Hà Trạch Thần Hội. Pháp Thiên do Sư truyền bá được gọi là Hà Trạch Tông. Do dòng Thiền này lưu truyền tại kinh đô Lạc Dương và các vùng lân cận, nên còn gọi là Bắc Tông của Tào Khê Tông (thiền Huệ Năng). Do các đời sau thiếu nhân tài, nên tông này suy vi dần. Sau ngài Khuê Phong Tông Mật thì hầu như Tông này chẳng còn ai biết đến nữa. Nhất là khi đường lối Thiên của các vị Thanh Nguyên Hành Tư và Nam Nhạc Hoài Nhượng được coi là chánh thống của thiền Đốn Ngộ phương Nam thì Hà Trạch Tông hoàn toàn biến mất.

“*Bát Nhã vô tri, không gì chẳng biết*”. Nó là biết, nhưng chẳng phải là cái biết thông thường.

(Diễn) Vĩnh Gia vân: “*Bát tu tri tri, dẫn tri nhi dĩ*” đặng.

(演)永嘉云：不須知知，但知而已等。

(Diễn: Ngài Vĩnh Gia nói: “*Chẳng cần biết tới chủ thể biết và đối tượng được biết, chỉ biết mà thôi*” v.v...).

“*Bát tu tri tri*”: Chữ Tri (知) thứ nhất là Căn Bản Trí, chữ Tri thứ hai là Hậu Đắc Trí. Nói cách khác, chữ Tri thứ nhất là bản thể của Tri, chữ thứ hai là tác dụng của Tri, tức là đối tượng của Tri. “*Bát tu tri tri*”: Chẳng cần biết tới những thứ lộn xộn ấy. “*Dẫn tri nhi dĩ*” (Chỉ biết mà thôi), quý vị có linh tri là được rồi, chỉ cần giữ được cái Thể ấy, cái Thể ấy chính là chân tri. Ý nghĩa của Ngài (Vĩnh Gia đại sư) là ở chỗ này, rất hay, rất khéo! Xác thực là quý vị có linh tri, nhưng cái Tri ấy [nếu] chẳng khởi tác dụng thì đó là [linh tri của] chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta hỏng ở chỗ nào? Hỏng ở chỗ cứ khư khư khởi tác dụng, tác dụng là gì? Phân biệt, chấp trước, dấy lên những thứ ấy. Chư Phật, Bồ Tát mắt thấy sắc, tai nghe tiếng rành mạch, rõ ràng, các Ngài chẳng phân biệt, không chấp trước. Vì thế, cái Biết sau đó (sau khi đã khởi phân biệt, chấp trước) chính là phân biệt, chấp trước [chẳng phải là cái Biết chân thật], còn cái Biết trên đây (cái Biết của linh tri) là hết thấy đều hiểu rõ. Hết thấy đều hiểu rõ mà chẳng cần phân biệt, chấp trước. Quý vị chỉ cần gìn giữ cái “hết thấy đều hiểu rõ” thì gọi là Phật Tánh. Hễ rớt vào phân biệt, chấp trước, bèn rớt vào tám thức, bèn mê. Do đó, cái Biết thứ nhất là giác, là linh tri; cái Biết thứ hai bèn mê, biến thành tình thức. Làm thế nào để có thể gìn giữ cái Biết thứ nhất, đó là công phu, trong Thiền Tông chuyên môn dùng công phu này. Tịnh Độ Tông chỉ dùng một câu Phật hiệu, niệm cho hết sạch tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; niệm nào cũng đều chuyên ròng nơi một câu Phật hiệu. Niệm đến mức thuần thực, hết thấy vọng tưởng và chấp trước chẳng có, câu Phật hiệu liền biến thành linh tri. Do vậy, phương pháp và kỹ xảo khác với Thiền. Chúng ta chẳng phải là thượng thượng căn, chẳng thể thành công bằng phương pháp kia (phương pháp sử dụng bởi nhà Thiền), bèn đổi sang phương pháp này (phương pháp “tín, nguyện, trì danh” của Tịnh Tông) bèn có thể thành công, phải biết điều này! [Sử dụng] phương pháp này chẳng đạt được Lý nhất tâm trong một đời này. [Chứng nhập] Lý nhất tâm là

thành Phật, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Chẳng đạt được công phu ấy, không sao cả! Các bậc đại đức từ xưa đã nói rất hay: “*Đản đắc kiến Di Đà, hà sảo bất khai ngộ*” (Chỉ được thấy Di Đà, lo gì chẳng khai ngộ); cái ngộ ấy chính là “*trực chỉ linh tri*”. Ta thấy A Di Đà Phật sẽ chẳng cần lo, trong hội của Phật Di Đà, quyết định thành tựu. Có nghĩa là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ai không thành Phật, thấy đều thành tựu. Đây là nói Thiên và Tịnh chẳng khác, y hệt như nhau!

“*Môn đình thi thiết bất đồng, nhi sở chứng vô lưỡng tâm*” (Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau, nhưng cái tâm đã chứng thì chẳng hai). “*Môn đình*” (門庭) là nói tới tông phái, “*thi thiết*” (施設) là phương pháp, cách thức. Tông phái khác nhau, phương pháp và cách thức dạy học khác nhau, nhưng sở chứng là như nhau.

(Diễn) Môn đình thi thiết bất đồng giả, Tịnh Độ pháp môn, hữu tịnh, hữu uế, hữu Phật, hữu sanh, thị ước kiến lập môn. Thiên Tông pháp môn, tắc tịnh uế song phi, sanh Phật bất lập, thị ước tảo dăng môn.

(演)門庭施設不同者，淨土法門，有淨有穢，有佛有生，是約建立門。禪宗法門，則淨穢雙非，生佛不立，是約掃蕩門。

(Diễn: “Cách lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau”: *Pháp môn Tịnh Độ có tịnh, có uế, có Phật, có chúng sanh, thuộc về môn kiến lập. Pháp môn Thiên Tông thì tịnh lẫn uế đều chẳng có, chúng sanh và Phật chẳng lập, thuộc về môn quét sạch).*

Nói về Hữu môn, Tịnh Độ Tông do Hữu môn mà tiến nhập. Ở phương Tây xác thực có thế giới Cực Lạc, trong thế giới Cực Lạc thật sự có A Di Đà Phật, tín tâm của chúng ta được kiến lập từ chỗ này. Có Phật, có chúng sanh, chúng sanh niệm Phật quyết định được sanh về Tịnh Độ. Kinh Di Đà nói hai điều “có”: “*Có thế giới tên là Cực Lạc, cõi ấy có Phật hiệu là A Di Đà*”, “*A Di Đà Phật nay hiện đang thuyết pháp*”, hai điều Có, một điều “hiện tại”, đó là từ Hữu môn mà nhập. Do vậy, Tịnh Tông là Kiến Lập Môn, chỉ phương lập tướng, [tức là] “*chỉ bày phương vị, kiến lập hình tướng*”, từ Hữu môn để tiến nhập. Thiên Tông hoàn toàn tương phản: “*Thiên Tông pháp môn, tắc tịnh uế song phi, sanh Phật bất lập*” (Pháp môn Thiên Tông thì tịnh lẫn uế đều chẳng có, chúng

sanh và Phật chẳng lập), [trong Thiền Tông] chẳng có Phật, chẳng có chúng sanh, chẳng uế, mà cũng chẳng tịnh. Do vậy, xác thực là rất khó, [vì đòi hỏi hành nhân phải có công phu] ngay lập tức thanh tịnh tâm địa, chẳng nhiễm mảy trần. Lục Tổ nói “*vốn chẳng có một vật*”. Chúng ta không được, trong tâm chẳng biết có bao nhiêu vật, thứ gì cũng đều chẳng bỏ được, quá ư là nhiều! Do vậy, hai thứ phương pháp và kỹ thuật dạy học chẳng giống nhau. Trong tâm chúng ta có quá nhiều thứ lộn tùng phèo, mong học Thiền sẽ chẳng học được. Thiền thì tâm ắt phải thanh sạch, chẳng nhiễm mảy trần, như vậy thì mới có thể. Đây là cách thức lập bày, thực hiện trong mỗi môn đình khác nhau, nhưng sở chứng như nhau.

(Diễn) Sở chứng vô lương tâm giả, bỉ nhất thiết tận tảo giả, đốn trừ vọng tưởng, trực hiển linh tri. Thử nhất thiết kiến lập giả, sử thành tam-muội, diệt ngộ linh tri.

(演)所證無兩心者，彼一切盡掃者，頓除妄想，直顯靈知；此一切建立者，使成三昧，亦悟靈知。

(Diễn: “Cái tâm được chứng đắc chẳng hai”: Pháp môn kia (Thiền) quét sạch hết thấy, trừ ngay vọng tưởng, trực tiếp hiển lộ linh tri. Pháp môn này (Tịnh Độ) kiến lập hết thấy, khiến cho [hành nhân] thành tựu tam-muội, cũng ngộ linh tri.

Mục đích của Thiền Tông là hết thấy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thấy đều bỏ sạch, tâm thanh tịnh, khôi phục bản tánh linh tri, họ sử dụng phương pháp này. Tông của chúng ta thì sao? “*Thử nhất thiết kiến lập giả, sử thành tam-muội, diệt ngộ linh tri*” (Pháp môn này kiến lập hết thấy, khiến cho [hành nhân] thành tựu tam-muội, cũng ngộ linh tri). Họ là đốn ngộ, chúng ta là tiệm ngộ, chúng ta cũng thông thả đi theo con đường ấy. Công phu niệm Phật được chia thành ba tầng cấp:

1) Tầng cấp thứ nhất là “*công phu thành phiến*”. Nói thật ra, trong một đời, ai nấy đều nhất định đạt được công phu này. Có thể thực hiện công phu này, quyết định vãng sanh. Do vậy, các vị tổ sư từ xưa đã nói pháp môn này là “*vạn người tu, vạn người đến*” là do đạo lý này, chẳng có ai không thành tựu!

2) Công phu bậc trung là Sự nhất tâm bất loạn, là số ít; người có công phu như vậy chẳng nhiều như loại thứ nhất.

3) Tầng cấp cao nhất là Lý nhất tâm bất loạn, ở đây nói là công phu thượng thượng thừa, đương nhiên số người [đạt đến công phu như vậy] càng ít hơn.

Nói thật ra, trong thời đại hiện tại (thời kỳ Mạt Pháp), chúng ta muốn đạt tới Sự nhất tâm bất loạn thì gần như chẳng thể được. Vì sao? Đoạn Kiến Tư phiền não thì trong hiện thời, người niệm Phật nào có thể đạt đến công phu như vậy? Nhưng chớ vội phải hiểu: Nếu Thiền mà chẳng đạt đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, sẽ chẳng thể thoát tam giới, vẫn phải luân hồi sanh tử trong lục đạo. Đã luân chuyển trong lục đạo, nhất định sẽ đọa lạc trong ba ác đạo. Vì thế, Thiền thì phải là công phu thượng thừa mới được coi là thành tựu, chứ trung hạ căn sẽ chẳng có kết quả gì; nhưng đối với Tịnh, công phu hạ hạ là đã có thể vãng sanh. Sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, được bốn nguyện và oai thần của A Di Đà Phật gia trì, chúng ta sẽ vĩnh viễn chẳng thoái chuyển. Không chỉ là chẳng thoái chuyển, kinh đã nói rất rõ ràng: Hạ hạ phẩm vãng sanh chúng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Nói cách khác, sanh về thế giới Tây Phương, đạt được lợi ích giống như bậc thượng thượng thừa trong Thiền Tông, thậm chí còn thù thắng hơn họ! Điều này chẳng thể nghĩ bàn! So sánh giữa hai pháp, Thiền là “*nan hành đạo*” (đạo khó hành), niệm Phật là “*dị hành đạo*” (đạo dễ hành). So cặn kẽ giữa hai đàng, Tịnh Tông mau chóng, còn nhanh chóng, dễ dàng, đơn giản, ôn hòa, thích đáng hơn Thiền, thứ gì cũng đều vượt trội Thiền Tông, chớ nên không biết điều này! Cuối cùng, Ngài dẫn lời cổ nhân:

(Diễn) Cổ cổ vân: “Tham Thiền bốn vị siêu sanh tử, niệm Phật diệt nhân thoát tử sanh, dẫn hướng nhất biên ai đắc nhập, lưỡng điều môn lộ bất đa tranh”.

(演)故古云：參禪本為超生死，念佛亦因脫死生，但向一邊挨得入，兩條門路不多爭。

(Diễn: Vì thế cổ nhân nói: “Tham Thiền vốn để siêu sanh tử, niệm Phật cũng vì thoát tử sanh. Bám chắc một bên bên ngộ nhập, hai đường tùy ý há đua tranh”).

“Tham Thiền bốn vị siêu sanh tử” (Tham Thiền vốn là để vượt thoát sanh tử), người học Thiền nhằm mục đích vượt thoát luân hồi trong lục đạo, liễu sanh tử, thoát khỏi tam giới. “Niệm Phật diệt nhân thoát tử sanh” (Niệm Phật cũng vì thoát tử sanh), có thể thấy là mục đích giống

hết như nhau. “*Dẫn hướng nhất biên ai đắc nhập, lưỡng điều môn lộ bất đa tranh*” (Chỉ hướng theo một bên mà hành sẽ được tiến nhập, hai con đường [tùy ý chọn lựa một đường] chẳng phải tranh chấp nhiều), giống như căn nhà này có hai cửa, ở ngoài cửa chẳng cần phải tranh chấp, tùy tiện theo cửa nào để vào cũng đều được, đều đạt đến mục đích. Cần gì học Thiền phải bài xích Tịnh, học Tịnh phải bài xích Thiền? Chẳng cần phải tranh chấp! Phải biết là phương pháp chẳng giống nhau, nhưng mục đích chẳng khác nhau, hoàn toàn nhất trí!

“*Thiện tai Trung Phong chi ngôn viết*” (Lành thay! Ngài Trung Phong đã nói). Thiền sư Trung Phong là người đời Nguyên, nghi thức Phật sự Tam Thời Hệ Niệm do Ngài biên soạn. Tuy Ngài là bậc đại đức trong Thiền Tông, Tam Thời Hệ Niệm hoàn toàn cầu sanh Tịnh Độ. Vì thế, khi lâm chung, thiền sư Trung Phong niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. Ngài nói: “*Thiền giả, Tịnh Độ chi Thiền; Tịnh Độ giả, Thiền chi Tịnh Độ dã*” (Thiền là Thiền của Tịnh; Tịnh là Tịnh của Thiền); chỉ rõ Thiền và Tịnh là một, không hai. “*Hữu vị hồ ngôn chi dã*” (Lời ấy có ý vị thay), câu này rất có ý vị. Chỉ xem hai chữ Thiền và Tịnh, quý vị càng xem, càng thấy thú vị. Thiền là chẳng chấp tướng. Trong Đàn Kinh, Lục Tổ đại sư đã giải thích Thiền Định như sau: “*Ngoài chẳng chấp tướng là Thiền*”. Nói cách khác, chẳng bị cảnh giới bên ngoài lay động, chẳng bị ngoại cảnh nhiễu loạn thì gọi là Thiền. Tâm chẳng hướng ra ngoài phan duyên, đó là Định. Tâm chẳng duyên theo bên ngoài là Định, cảnh giới bên ngoài chẳng thể nhiễu loạn là Thiền. “*Tịnh*” là tâm thanh tịnh. Nếu bị cảnh giới bên ngoài quấy nhiễu, tâm chẳng thanh tịnh. Cái tâm nếu hướng ra ngoài phan duyên thì cũng chẳng thanh tịnh. Vì thế, quý vị hãy nói xem: Tịnh và Thiền là một hay hai? Xác thực là một chuyện. Thiền sư Trung Phong nói lời ấy rất có ý vị. Huống hồ trong kinh Đại Tập, Thích Ca Mâu Ni Phật đã bảo chúng ta: “*Niệm Phật được gọi là thượng thượng Thiền*”, chẳng phải là Thiền bình phàm! Thượng thượng Thiền là minh tâm kiến tánh Thiền, nhằm phân biệt chẳng phải là Tứ Thiền Bát Định, chẳng phải là Cửu Thứ Độ Định. Những thứ ấy đều chẳng phải là thượng thượng Thiền, niệm Phật là thượng thượng Thiền.

(Sao) Hoặc vị: “*Trực chỉ chi Thiền, bất lập văn tự, kim trì danh hiệu, nhược vi hội đồng?*”

(鈔)或謂：直指之禪，不立文字，今持名號，若為會同？

(Sao: Hoặc nói: “Thiền Trục Chỉ chẳng lập văn tự, nay làm sao có thể hiểu trì danh hiệu là tương đồng [với Thiền Trục Chỉ] cho được?”)

Giả sử có người đưa ra câu hỏi như thế, chỉ rõ Thiền và Tịnh khác nhau. Vì sao? Thiền Tông là chỉ thẳng tâm người, chẳng lập văn tự. Tịnh Độ Tông là chấp trì danh hiệu, danh hiệu là A Di Đà Phật, có bốn chữ tồn tại! Một đấng chẳng lập văn tự, một đấng kiến lập trên văn tự, làm sao có thể như nhau cho được? Lời hỏi này cũng rất cao minh, cũng rất có căn cứ.

(Sao) Bất tri truyền pháp dĩ tứ cú chi kê, ấn tâm dĩ tứ quyển chi kinh, giáo chi tứ tự danh hiệu, văn cánh phân hỹ.

(鈔)不知傳法以四句之偈，印心以四卷之經，較之四字名號，文更繁矣。

(Sao: Chẳng biết truyền pháp bèn dùng bài kệ bốn câu, ấn tâm dùng bộ kinh bốn quyển, so với danh hiệu [chỉ gồm] bốn chữ, văn tự càng rườm rà hơn).

Đáp rất tuyệt! Chư tổ truyền tâm, truyền pháp cho nhau, có văn tự hay không? Có chứ! Tổ sư Đạt Ma đến Trung Hoa, truyền pháp cho Nhị Tổ Huệ Khả, dùng bộ kinh Lăng Già gồm bốn quyển để ấn tâm. Bốn quyển kinh Lăng Già nhiều hơn bốn chữ A Di Đà Phật quá nhiều!

(Diễn) Truyền pháp tứ cú giả, Sơ Tổ vân: “Ngô bản lai tư thổ, truyền pháp độ mê tình, nhất hoa khai ngũ diệp, kết quả tự nhiên thành”.

(演)傳法四句者，初祖云：吾本來茲土，傳法度迷情，一花開五葉，結果自然成。

(Diễn: “Truyền pháp bằng bốn câu”, Sơ Tổ nói: “Ta vốn đến xứ này, truyền pháp độ mê tình, một hoa xòe năm cánh², kết quả tự nhiên thành”).

² Thiền Tông Trung Hoa thường cho rằng bài kệ này là lời huyền ký của Tổ cho biết Thiền Tông về sau sẽ chia thành năm phái lớn là Vân Môn, Tào Động, Pháp Nhãn, Quy Ngưỡng và Lâm Tế.

Đây là [bài kệ do] tổ sư Đạt Ma truyền cho Nhị Tổ Huệ Khả, hai mươi chữ nhiều hơn bốn chữ A Di Đà Phật quá nhiều!

(Sao) *Cái phi dĩ đoạn diệt văn tự vi bất lập dã. Bất tức văn tự, bất ly văn tự, đạt trước khế chi.*

(鈔)蓋非以斷滅文字為不立也。不即文字，不離文字，達著契之。

(Sao: *Áy là vì chẳng phải coi “đoạn diệt văn tự” là “chẳng lập”. Chẳng phải là văn tự, chẳng lìa văn tự, hễ thông đạt sẽ khế nhập).*

Câu kết luận cuối cùng rất quan trọng. Thiền Tông tự xưng là “*chẳng lập văn tự, chỉ thẳng tâm người*”, [thế mà] văn tự trong Thiền Tông nhiều hơn bất cứ tông phái nào khác! Quý vị xem Đại Tạng Kinh sẽ biết ngay. Ngũ lục của các vị tổ sư Thiền Tông [quá nhiều], Lục Tổ đại sư còn có một bộ Đàn Kinh, Đàn Kinh có phải là văn tự hay không? Văn tự trong kinh ấy còn dài hơn kinh Di Đà của chúng ta! Chư vị phải hiểu “chẳng lập văn tự” là “chẳng chấp trước văn tự”, chẳng phải là “không cần văn tự”, họ vẫn cần tới văn tự. Trong Khởi Tín Luận, Mã Minh Bồ Tát đã dạy chúng ta một nguyên tắc: “*Lìa tướng ngôn thuyết, lìa tướng danh tự, lìa tướng tâm duyên*”. Tham Thiền phải như vậy thì mới được. Nói thật ra, học Giáo cũng phải tuân thủ nguyên tắc này. Tham Thiền mà có thể lìa tướng bèn có thể khai ngộ, người học Giáo có thể lìa tướng sẽ có thể đại khai viên giải, người niệm Phật có thể lìa tướng bèn có thể đắc nhất tâm bất loạn. Vấn đề là “lìa rất khó!” Nói rất dễ dàng, lìa rất khó khăn! Điều này có nghĩa là: Chẳng phải là nói “không có văn tự”, chẳng phải là nói “không có ngôn thuyết”. Ngôn thuyết và văn tự thấy đều có, quý vị chớ nên chấp trước, chấp trước là bệnh! Ngôn ngữ và văn tự chẳng có khuyết điểm, chẳng có lỗi lầm, nhưng chấp trước là bệnh, phân biệt là bệnh. Phân biệt là Sở Tri Chướng, chấp trước là Phiền Nã Chướng. Quý vị chẳng phân biệt, không chấp trước, quý vị ứng dụng nó, lấy đâu ra chướng ngại? Trong Hoa Nghiêm Sớ Sao, Thanh Lương đại sư đã nói: “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Đó gọi là Nhất Chân pháp giới, đắc đại tự tại, hết thấy chướng ngại đều chẳng có. Chướng ngại sanh từ nơi đâu? Chướng ngại sanh từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu quý vị chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật. Phật và chúng sanh

sai biệt [ở chỗ] chúng sanh có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, Phật chẳng có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Phẩm [Nhu Lai] Xuất Hiện trong kinh Hoa Nghiêm đã nói rất rõ ràng: “*Hết thấy chúng sanh đều có trí huệ và đức tướng của Như Lai; chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà chẳng thể chứng đắc*”. Bằng một lời, đức Phật đã nói toạc gốc bệnh của chúng ta là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Thiền Tông nói Tham thì Tham (參) là như thế nào? Là tâm ý thức để tham. Thức thứ sáu phân biệt, thức thứ bảy chấp trước, thức thứ tám lưu ấn tượng. Là tâm ý thức là quý vị đừng nên phân biệt, chớ nên chấp trước, đừng giữ lại ấn tượng. Chẳng giữ lại ấn tượng là đừng ghi nhớ trong lòng, chuyện đã qua bèn quên sạch sành sanh, giống như gì? Phật pháp thường nói: Chúng ta dụng tâm phải giống như một tấm gương. Gương thì [vật] hiện tiền bèn soi rành mạch, [khi vật] dời đi, chẳng để lại dấu vết gì! Chúng ta dụng tâm phải giống như gương. Gương soi các vật chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, không lưu lại ấn tượng. Phàm phu chúng ta dụng tâm giống như cuộn phim trong máy chụp ảnh: Có phân biệt, có chấp trước, giữ lại ấn tượng. Từ vô thủy kiếp tới nay, trong tâm một mực hồ đồ, lưu giữ những thứ ô nhiễm quá nhiều. Tâm Phật như một tấm gương. Do vậy, kinh điển có ý nghĩa như một tấm gương, chúng ta mỗi ngày sáng tối đều phải soi gương để rửa sạch mặt mũi. Vì sao mở kinh điển ra giống như [đôi trước] một tấm gương? Những thứ bản thủ trong tâm cũng phải tẩy gột sạch lâu, hể là tâm ý thức bèn gột sạch. Thiền Tông dùng phương pháp “tham thoại đầu” hoặc “quán tâm” để rửa lòng đôi hạnh. Tông phái của chúng ta dùng bốn chữ danh hiệu, hoặc sáu chữ hồng danh, dùng phương pháp ấy để rửa lòng đôi hạnh, kinh Vô Lượng Thọ dạy như vậy. Học Phật thì phải hành thật sự, thật sự hành mới là học. Hằng ngày tụng kinh, niệm Phật mà chẳng làm, đó chẳng gọi là “học Phật”, mà là Phật học. Phật học chẳng phải là học Phật, Phật học vô dụng! Đối với chuyện liễu sanh tử, xuất tam giới của chính mình chẳng có liên quan gì! Câu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng chẳng thể! Nhất định phải học Phật, Phật là tâm gì, ta phải học, học giống như Ngài. Phật đãi người, tiếp vật như thế nào, ta cũng phải học giống hết như Ngài thì mới được! Phật tâm và Phật hạnh đều ở trong kinh điển. Do đó, liễu giải ý nghĩa của kinh điển, chiếu theo lời dạy trong kinh điển để hành thì gọi là học Phật, đó mới là hữu dụng.

Chẳng phải đoạn diệt văn tự là “*bất lập*”. “*Bất lập văn tự*” chẳng phải là không cần văn tự, chẳng phải là vứt bỏ văn tự, mà là “*bất tức văn*

tự, bất ly văn tự”, [nghĩa là] đối với ngôn ngữ và văn tự, bèn chẳng chấp trước, mà cũng chẳng xa lìa. Chẳng lìa [nghĩa là] ta phải dùng nó, ta phải sử dụng văn tự, phải dùng ngôn ngữ. “*Bất tức*” là gì? Quyết định chẳng chấp trước, biết nó chỉ là công cụ mà thôi. Nó là công cụ, sau khi dùng xong bèn bỏ đi; kinh Kim Cang dạy: “*Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp*” (Pháp còn nên bỏ, huống hồ phi pháp); có thể dùng, dùng xong bèn bỏ, chớ nên chấp trước, như vậy sẽ là hoàn toàn chánh xác.

(Sớ) Hựu thử nhất tâm, đương tri Tâm Vương, Tâm Sở, vô bất nhất cố.

(疏)又此一心，當知心王心所，無不一故。

(Sớ: Lại nữa, đối với nhất tâm, hãy nên biết Tâm Vương và Tâm Sở, không gì chẳng là một).

Trong phần trước, [nói] “*Tịnh là Thiên, Thiên là Tịnh*”, tức là hội thông với Tông Môn. Đoạn này nhằm để hội thông cùng Giáo Hạ. Do vậy, có thể biết: Tịnh Tông xác thực là thông Tông, thông Giáo. [Hành nhân trong] Thiên Tông đã hiểu rõ đạo lý này, bèn chuyên tâm niệm A Di Đà Phật, thành tựu mục đích của Thiên Tông. Giáo Hạ hiểu rõ đạo lý này, nhất tâm niệm A Di Đà Phật, đạt tới mục đích thông Giáo. Pháp môn này đúng là tuyệt diệu!

(Sao) Vương Sở giải kiến tiền văn, thử chi bát giả, cập ngũ thập nhất.

(鈔)王所解見前文，此之八者，及五十一。

(Sao: Xem lời giải thích Tâm Vương và Tâm Sở trong phần trước, những điều này bao gồm tám Tâm Vương và năm mươi một Tâm Sở).

Tâm Vương và Tâm Sở đã nói trong phần trước. “*Vương*” (王) có nghĩa là tự tại. “*Sở*” (所) là chẳng tự tại. Giống như một quốc gia, quốc vương [xưa kia] và Tổng Thống trong hiện thời khác nhau. Tổng Thống hiện thời bị Quốc Hội kiểm chế, chẳng được tự tại, muốn làm chuyện gì mà Quốc Hội không thông qua, sẽ chẳng có cách nào! Xưa kia, làm hoàng đế rất tự tại, người nào cũng phải nghe lệnh nhà vua. Một mình nhà vua điều khiển, ra lệnh, nhân dân cả nước phải nghe theo sự chỉ huy của nhà vua, chẳng thể phản kháng. Do đó, “*Vương*” biểu thị sự tự tại. “*Sở*” chẳng tự tại, là thần dân, phải vâng theo sự sai khiến và mạng lệnh

của Vương. Ở đây, đức Phật sánh ví cái tâm như vua, sánh ví những tác dụng sanh khởi bởi cái tâm giống như thần dân. Do vậy, bèn có Tâm Vương và Tâm Sở. Tâm Vương có tám món; nói thật ra, tám món ấy thật ra là một. Tâm chỉ có một, lấy đâu ra tám cái tâm? Thật ra, tám cái tâm ấy đều do A Lại Da khởi tác dụng. A Lại Da đúng là vị vua bậc nhất, giống như quốc vương; bảy món kia giống như đại thần dưới quyền nhà vua, giống như viện trưởng các viện, hoặc bộ trưởng các bộ, cũng khá tự tại. Tâm Sở chẳng tự tại, Tâm Sở phụ thuộc Tâm Vương, chẳng giống như Tâm Vương có thể đơn độc nắm quyền một phương. Tám Tâm Vương là tám thức, [bao gồm] A Lại Da Thức, thức thứ bảy là Mạt Na, thức thứ sáu tức Ý Thức, cộng thêm năm thức trước: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Do vậy, có tất cả tám thức. Tâm Sở tương ứng với tám thức cũng là nhiều hay ít khác nhau, như tương ứng với A Lại Da Thức chỉ có năm Biến Hành Tâm Sở³, chỉ có năm điều, ít nhất. Tâm Sở tương ứng với thức thứ sáu, tức Ý Thức, có tất cả năm mươi một món, nhiều nhất. Vì thế, nó rất có thể dấy lên vọng tưởng. Tất cả phiền não và vọng tưởng đều phát xuất từ nó. Điều khẩn yếu thuộc trong phần sau:

(Sao) Phân nhiên bất tề, tạp nhiên cạnh khởi, nhi ngôn vô bất nhất giả.

(鈔)紛然不齊，雜然競起，而言無不一者。

(Sao: Rồi ren chẳng đồng nhất, chen nhau dấy lên tạp loạn, mà nói là “không món nào chẳng là một”).

Liên Trì đại sư nói: Lý nhất tâm bất loạn chính là Tâm Vương và Tâm Sở, không món nào chẳng là một. Nói theo cách nào vậy? Trong Tướng Tông, tình huống xác thực là [các pháp, các danh tướng] rồi ren, chẳng đồng nhất, tạp loạn tranh nhau dấy lên.

(Diễn) Phân nhiên bất tề giả, ước thiện, ác, vô ký tam tánh thuyết. Dĩ tam tánh tự thể huýnh dị cố.

(演)紛然不齊者，約善惡無記三性說，以三性自體迴異故。

³ Năm thứ Biến Hành Tâm Sở là Tác Ý, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư. Nếu nói theo Tâm Lý Học hiện thời, có thể hiểu thô thiển là tương ứng với sự chú ý, cảm giác, tri giác, tình cảm, và ý chí.

(Diễn): “Rối ren chẳng đồng nhất” là nói theo ba tánh thiện, ác, vô ký (chẳng thiện, chẳng ác), bởi tự thể của ba tánh khác biệt vời vợi).

Đó là chẳng đồng nhất. Năm mươi một Tâm Sở, gồm mười một Thiện Tâm Sở, hai mươi sáu Ác Tâm Sở (sáu Căn Bản Phiền Não và hai mươi Tùy Phiền Não), những thứ khác thuộc loại Vô Ký. Vô Ký (無記, Avyākṛta) có nghĩa là chẳng thiện, chẳng ác, nhưng nó có tác dụng, có sự việc. Tánh chất của chúng (Tâm Vương và Tâm Sở) hoàn toàn chẳng tương đồng. Đó là chẳng đồng nhất, rối ren chẳng đồng nhất!

(Diễn) *Tạp nhiên cạnh khởi giả, ước bát thức duyên cảnh bất đồng thuyết, dĩ nhân thức duyên sắc, nhĩ thức duyên thanh, Lại Da duyên căn, thân, khí giới.*

(演) 雜然競起者，約八識緣境不同說，以眼識緣色，耳識緣聲，賴耶緣根身器界。

(Diễn): “Chen nhau dấy lên tạp loạn”: Ước theo tám thức duyên theo từng cảnh sai khác mà nói; bởi lẽ, nhân thức duyên sắc, nhĩ thức duyên theo tiếng, A Lại Da duyên theo căn, thân, khí thể gian thể giới).

Đối với mỗi Tâm Vương và Tâm Sở trong tám thức và năm mươi một Tâm Sở, cảnh giới sở duyên của mỗi thứ đều khác nhau. Đó là “tạp nhiên cạnh khởi”. Vì sao có thể nói chúng là một? Câu hỏi này rất hay! Dưới đây là phần giải thích:

(Sao) *Lương diêu vương sở tuy đa, tổ lưu cùng nguyên, bất xuất nhất tâm.*

(鈔) 良繇王所雖多，溯流窮源，不出一心。

(Sao): Ấy là vì Tâm Vương và Tâm Sở tuy nhiều, truy ngược tới tận cùng nguồn cội, chúng đều chẳng ra ngoài nhất tâm).

Nếu truy cứu cội nguồn của Tâm Vương và Tâm Sở, [sẽ thấy] Tâm Sở chẳng lia Tâm Vương. Tâm Vương do đâu mà có? Từ nhất tâm mà có. Truy tìm đến cội nguồn cuối cùng thì chúng sẽ là nhất tâm, đều do nhất tâm khởi tác dụng, chẳng phải là gì khác.

(Diễn) Thỉ từng thanh tịnh tâm trung, vô minh vọng động, chuyển thành Lại Da. Thứ từng Lại Da, chuyển xuất tiền thất. Tâm Vương ký khởi, Tâm Sở tùy hành, thứ đệ dẫn sanh ngũ thập nhất chủng, như từng nguyên xuất lưu dã.

(演)始從清淨心中，無明妄動，轉成賴耶。次從賴耶，轉出前七。心王既起，心所隨行，次第引生五十一種，如從源出流也。

(Diễn: Khởi đầu từ trong tâm thanh tịnh, vô minh vọng động, chuyển thành A Lại Da. Kế đó, từ A Lại Da chuyển thành bảy thức trước. Tâm Vương đã dậy lên, Tâm Sở liền xuất hiện theo, lần lượt theo nhau sanh khởi, tạo thành năm mươi một loại, như từ một nguồn mà chia ra các dòng vậy).

“Thỉ từng thanh tịnh tâm trung” (Khởi đầu từ trong tâm thanh tịnh), diễn tả Tâm Vương và Tâm Sở phát xuất như thế nào. Tâm thanh tịnh là Chân Như bản tánh, là chân tâm bản tánh của chính mình. “Vô minh vọng động, chuyển thành Lại Da” (Vô minh vọng động, chuyển thành A Lại Da). Kinh luận Tướng Tông nói: “Vô minh bất giác sanh tam tế” (Vô minh bất giác sanh ra ba tế tướng), “tam tế” (三細) là ba tế tướng⁴ của A Lại Da. “Cảnh giới vi duyên trướng lục thô” (Cảnh giới làm duyên tăng trướng sáu thô tướng). Nếu nói theo cách hiện thời, hết thấy vạn vật trong vũ trụ sanh thành như thế nào? Truy cứu cội nguồn của nó, vũ trụ do đâu mà có? Vạn vật do đâu mà có? Các nhà khoa học thăm dò, nghiên cứu, chẳng tìm thấy cội nguồn! Họ nêu ra thuyết Tiến Hóa Luận, theo thuyết ấy, do sự tiến hóa diễn biến dần dần trong đại vũ trụ mà sanh ra các hiện tượng, nhưng lý luận ấy chẳng được đại đa số mọi người chấp nhận. Nếu nói nhân loại do khí vượn tiến hóa thành, vì

⁴ Tam tế tướng của A Lại Da là:

- 1) Vô Minh Nghiệp Tướng, còn gọi tắt là Nghiệp Tướng. Do bất giác mà động tâm. Hễ động, bèn có khổ. Do quả chẳng lìa nhân nên gọi là Nghiệp. Đây là tướng đầu tiên từ chân khởi vọng.
- 2) Năng Kiến Tướng, còn gọi là Kiến Tướng, hoặc Chuyển Tướng, tức là do tâm đã động, bèn có cái thấy, khởi lên tâm nhận thức đối tượng được thấy bởi Căn một cách chủ quan.
- 3) Cảnh Giới Tướng: Do có cái thấy (năng kiến) của vọng tâm mà có phân biệt cảnh giới hư vọng.

sao khi vượn trên cõi đời này chẳng tiến hóa thành người? Vì sao một nửa loài khỉ tiến hóa thành người, một nửa vẫn giữ nguyên diện mạo sẵn có? Nói kiêu nào cũng nói chẳng đúng! Đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, dựa vào khoa học kỹ thuật, rất khó tìm ra cội nguồn. Những điều càn nhánh có thể tìm được, chứ chẳng thể tìm ra căn bản, căn bản quá sâu. Những điều nông cạn, rõ rệt thì khoa học có thể ấn chứng, chứng thực; chứ những điều tốt cùng sâu thẳm, khoa học kỹ thuật chẳng đạt được. Nói theo phương pháp luận khoa học, sẽ hết sức rõ rệt là những cái được thể gian gọi là Lý Tắc Học (Luận Lý Học), La Tập (Logic), Biện Chứng Pháp (Dialectical Logic), trong Phật pháp gọi là Nhân Minh (Hetuvidyā), những thứ ấy đều có thể coi như các phương pháp khoa học. Dùng những phương pháp ấy để thăm dò vũ trụ và nhân sinh, xác thực là đã đem lại rất nhiều thuận tiện cho chúng ta. Khá nhiều phát minh đều nhờ những phương pháp ấy mà tìm ra, nhưng nếu để thăm dò tâm tánh thì những thứ ấy hoàn toàn chẳng có tác dụng! Trong Phật pháp, đối với Phật pháp bậc trung và bậc thấp, có thể sử dụng Nhân Minh, nhưng đối với Phật pháp cao cấp sẽ chẳng dùng được, những thứ ấy chẳng có một tí tác dụng nào! Nhân Minh vô dụng đối với Thiên, mà đối với Tịnh cũng vô dụng. Áp dụng vào Giáo bậc cao cũng chẳng được, nhưng [đối với Giáo Hạ] sơ cấp và trung cấp thì có thể sử dụng. Kinh Lăng Nghiêm đối với chuyện này đã nêu tỏ hết sức thấu triệt.

Trong cái tâm thanh tịnh, vô minh vọng động, “*vô minh bất giác sanh tam tế*” (vô minh bất giác, bèn sanh ra ba tế tướng), biến chân tâm bản tánh thành A Lại Da. “*Thứ từng Lại Da, chuyển xuất tiền thất*”, [có nghĩa là] từ A Lại Da, lại chuyển thành bảy thức trước (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý và Mạt Na). [Bảy thức ấy] cùng với A Lại Da được gọi là tám Tâm Vương, Tâm Vương bèn tồn tại. Tâm Vương khởi tác dụng, được gọi là Tâm Sở (những thuộc tánh của cái tâm). “*Tâm Sở tùy hành, thứ đệ dẫn sanh ngũ thập nhất chủng*” (Tâm Sở liền xuất hiện theo, lần lượt theo nhau sanh khởi tạo thành năm mươi một loại), “*ngũ thập nhất chủng*” là chủng loại. Tác dụng của tâm được quy nạp thành năm mươi một loại lớn, nếu chia nhỏ sẽ rất rắc rối. Di Lặc Bồ Tát soạn Du Già Sư Địa Luận đã quy nạp hết thấy các pháp thành sáu trăm sáu mươi pháp. Sáu trăm sáu mươi pháp đối với kẻ sơ học như chúng ta cũng rất khó khăn, quá nhiều! Thiên Thân Bồ Tát lại quy nạp sáu trăm sáu mươi pháp ấy, quy thành một trăm pháp. Nói cách khác, Bách Pháp Minh Môn là đại cương của Du Già Sư Địa Luận. Do đó, bất cứ pháp nào, hễ khai triển cũng đều là vô lượng vô biên, đúng là hết sức phức tạp, chẳng phải

là đơn giản như kinh giáo đã nói. [Kinh giáo] đơn giản là vì đã quy nạp lần nữa những điều đã được quy nạp, [khiến cho chúng trở thành] có lớp lang hợp lý, khiến cho chúng ta có chỗ để nhập môn.

(Diễn) Kim tổ lưu cập nguyên giả.

(演)今溯流及源者。

(Diễn: Nay truy ngược tận nguồn cội).

Chúng ta thuận theo dòng, giống như dôi theo dòng nước, tìm ra cội nguồn của nó.

(Diễn) Tắc Tâm Sở bất ly Tâm Vương, Tâm Vương bất khởi, Tâm Sở bất sanh cố. Tâm Vương bất ly diệu tâm, diệu tâm bất động, Tâm Vương bất hiện cố.

(演)則心所不離心王，心王不起，心所不生故。心王不離妙心，妙心不動，心王不現故。

(Diễn: Tâm Sở chẳng lìa Tâm Vương, Tâm Vương chẳng khởi thì Tâm Sở chẳng sanh. Tâm Vương chẳng lìa diệu tâm, do diệu tâm bất động nên Tâm Vương chẳng hiện).

“*Diệu tâm*” là chân tâm, là linh tri. Chư vị nhất định phải biết chân tướng sự thật này. Rất ít người biết chân tướng sự thật này; do vậy, đức Phật nói chúng sanh đang mê. Chân tri là gì? Tâm bất động là chân tri, không gì chẳng biết; tâm hễ động, điều gì cũng đều không biết. Trong kinh, đức Phật sánh ví tâm như nước. Khi nước bất động, giống như một tấm gương, soi cảnh giới bên ngoài rành mạch, rõ ràng, chẳng có gì không biết. Tâm vừa động, nước liền cuộn sóng, hễ cuộn sóng sẽ chẳng chiếu soi rõ rệt. Dầu có chiếu soi thì cũng vỡ vụn thành những mảnh nhỏ ly ti, những gì quý vị biết sẽ chẳng phải là chân tướng. Người học Phật dùng tư duy, dùng tưởng tượng, dùng phân biệt để nghiên cứu kinh giáo, có thể hiểu rõ những ý nghĩa trong kinh giáo hay không? Người ấy tự cho là đã hiểu rõ, đâu phải vậy! Quả thật là người ấy càng nghiên cứu càng hồng lét, càng nghiên cứu tâm càng dao động lớn hơn, vốn là sóng nhỏ, biến thành sóng lớn. Vì thế, biến kinh điển thành học thuật thế gian, hiểu sai be bét toàn bộ ý nghĩa trong kinh Phật. Vì sao

hiểu sai? Do quý vị dùng thức thứ sáu, tức Ý Thức, dùng thức thứ bảy, toàn bộ đều sai lầm!

Làm như thế nào thì mới có thể thật sự hiểu rõ? Chẳng dùng tâm ý thức bèn hiểu rõ. Chẳng dùng tâm ý thức, sẽ chiếu kiến! Tâm thủy bình lặng, bình lặng là chiếu kiến, hề tiếp xúc bèn hiểu rõ. Hễ nghiên cứu bèn cuộn sóng. Đã cuộn sóng, há có thể nào chiếu kiến? Người hiểu đạo lý này chẳng nhiều, đặc biệt là người hiện thời. Cổ nhân đã hiểu; vì thế, đôi với cổ nhân, không chỉ là Thiên Tông, mà Giáo Hạ cũng chẳng phải là ngoại lệ, đều là tiên nhập từ Định. “*Nhân Giới sanh Định, nhân Định khai Huệ*”, trí huệ đã khai rồi mới đọc kinh. Tông Môn phải là sau khi đã đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh rồi mới đọc kinh. Họ đọc kinh nhằm ấn chứng. Giáo Hạ chẳng cần công phu định lực cao như thế, nhưng phải có công phu định lực nho nhỏ thì mới có thể nghe kinh. Chẳng có chút công phu định lực nào, chẳng được phép nghe kinh! Trong Sa Di Luật Nghi có nói: Đã xuất gia thì phải học giới năm năm. Trong năm năm ấy, chẳng được phép nghe kinh. Chùa miếu xưa kia là trường học, có Thiên đường, có giảng đường, có Niệm Phật Đường. [Trong năm năm ấy], quý vị chẳng có tư cách niệm Phật, chẳng có tư cách tham Thiên, mà cũng chẳng có tư cách nghe kinh, làm chuyện gì? Phục vụ thường trụ, chăm sóc đại chúng, sau năm năm mới có tư cách đến tọa Thiên trong Thiên đường, vào giảng đường nghe kinh; do năm năm [học giới], cái tâm đã định. Năm năm ấy là giáo dục sơ bộ, giống như kiểu giáo dục học trò mới trong nhà trường hiện thời, hoặc cách giáo dục dành cho binh lính mới nhập ngũ trong quân đội. Giáo dục nhập ngũ trong Phật môn là năm năm, dài hơn giáo dục thế gian. Năm năm ấy nhằm huấn luyện định tâm, thâm hồi cái tâm. Tâm đã định, sẽ khai trí huệ. Có trí huệ, nghe giảng kinh, quý vị sẽ có ngộ xứ, có thể lãnh ngộ. Tâm chẳng định, chẳng có lãnh ngộ. Có lãnh ngộ bèn có thọ dụng.

Nói cách khác, không chỉ là có thể cải thiện cuộc sống, mà chúng ta xử sự, đãi người, tiếp vật càng viên dung, càng mỹ mãn! Lại còn có một chuyện mà mọi người chẳng thể ngờ: [Tâm định] có thể điều hòa, chỉnh đốn thân tâm của chúng ta, người hiện thời nói là “*biến đổi thể chất*”, thật đấy! Dầu thân thể bị ung thư, bấu độc, chẳng cần phải dùng đến thuốc men, tự nhiên điều chỉnh, người ấy được lành bệnh. Chư vị phải hiểu: Định có thể điều chỉnh sức khỏe nơi thân tâm. Định là tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, sinh lý chịu ảnh hưởng của tâm lý, các cấu trúc tế bào bị trục trặc đều khôi phục bình thường. Do vậy, Định hữu ích rất lớn đối với sức khỏe nơi thân thể. Nhất định là từ Định khai Huệ.

Pháp môn Tịnh Tông là trực tiếp tu nhất tâm bất loạn, Thiền là tu trực tiếp, Tịnh cũng là tu trực tiếp; nhưng Thiền thì trong tâm của chính mình phải có công phu thanh tịnh kha khá, dùng Thiền để tăng cao hơn một cấp, đạt đến đỉnh điểm. Chẳng đạt tiêu chuẩn ấy, sẽ không thể tăng cao được! Trong pháp môn Tịnh Tông, quý vị nhiễm ô đến tột cùng vẫn chẳng sợ, pháp này vẫn từng bước đưa quý vị tiến cao hơn. Tịnh thuận tiện, dễ thành tựu hơn Thiền là ở chỗ này. [Các pháp môn thuộc] Giáo chẳng ra ngoài Pháp Tướng Duy Thức. Duy Thức, Pháp Tướng bao gồm tất cả [các pháp môn thuộc về] Giáo Hạ, truy đến căn cội vẫn là nhất tâm. Ngàn kinh vạn luận, vô lượng pháp môn do đâu mà có? Lưu xuất từ nhất tâm. Vì vậy, quý vị đặc nhất tâm, tất cả hết thảy các pháp môn đều thông đạt. Đã tìm được nguồn cội, nắm được cương lĩnh, lẽ nào chẳng thành tựu? Người hiện thời cứ ngỡ chính mình thông minh, chẳng tiếp nhận, chẳng tin tưởng lời cổ thánh tiên hiền, cứ muốn dùng phương pháp khoa học hiện đại để học Phật. Kết quả nói dễ nghe một chút chính là đã biến Phật pháp thành khoa học hiện đại, rốt cuộc vẫn phải luân hồi trong lục đạo, chuyện là như thế đó.

Đối với lợi ích chân thật của Phật pháp, chẳng nói đến lợi ích liễu sanh tử, [ngay cả những] lợi ích nhỏ nhoi trước mắt như thân tâm khỏe mạnh, cuộc sống hạnh phúc, sung sướng, họ đều chẳng đạt được! Phật môn thường nói “*phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui*”. Họ chẳng lìa được khổ, chẳng đạt được vui, chẳng phá mê, mà cũng chẳng thể khai ngộ! Nguyên nhân là do họ tu học chẳng đúng pháp. Chẳng biết cổ nhân đã dùng phương pháp này hai, ba ngàn năm; nếu phương pháp này chẳng tốt đẹp, quý vị nói xem: Làm sao nó có thể được sử dụng lâu như thế? Trong ba ngàn năm, bao nhiêu người dùng phương pháp này mà khai ngộ, dùng phương pháp này đạt được thành tựu, phương pháp này có giá trị lắm! Chớ nên chê phương pháp này quá cũ, quá xưa, chẳng cần nữa, đổi sang cách mới. Đổi sang cách mới, vô dụng! Chẳng đạt được mục đích! Vì thế, phải suy nghĩ cẩn thận, phương pháp này của Phật, Bồ Tát vượt trời gian và không gian, chẳng bị đào thải bởi không gian và thời gian, chẳng thể nào! Đây là “*chân lý vĩnh viễn bất biến*” như người thế gian chúng ta thường nói. Quý vị hành theo phương pháp này, quyết định đạt được lợi ích. Trái nghịch phương pháp này mà mong thành tựu, sẽ hết sức khó khăn!

(Sao) Kim niệm Phật nhân, sơ dĩ Nhĩ Thức văn bỉ Phật danh, thứ dĩ Ý Thức chuyên chú ức niệm. Dĩ chuyên niệm cố, tổng nhiếp lục

căn, nhãn, tỷ, thiệt, thân, như thị lục thức, giai tất bất hành. Niệm chi bất dĩ, niệm cực nhi vong. Sở vị “hằng thâm tư lượng” giả, kỳ tư tịch yên, vong chi bất dĩ, vong cực nhi hóa. Sở vị “chân vọng hòa hợp” giả, kỳ vọng tiêu yên, tắc thất thức, bát thức diệt tất bất hành. Chủ ký bất tồn, tùng giả yên phụ? Kỳ ngũ thập nhất hựu hà luận dã! Đương nhĩ chi thời, cự lãng, vi ba, hàm thành chỉ thủy, nùng vân, bạc vụ, tận tác trùng không, duy thị nhất tâm, cánh vô dư pháp, cố vân “vô bất nhất” dã!

(鈔)今念佛人，初以耳識聞彼佛名，次以意識專注憶念。以專念故，總攝六根，眼鼻舌身，如是六識，皆悉不行，念之不已，念極而忘。所謂恆審思量者，其思寂焉，忘之不已，忘極而化。所謂真妄和合者，其妄消焉，則七識八識亦悉不行，主既不存，從者焉附，其五十一又何論也。當爾之時，巨浪微波，咸成止水，濃雲薄霧，盡作澄空，唯是一心，更無餘法，故云無不一也。

(Sao: Nay người niệm Phật, thoát đầu dùng Nhĩ Thức để nghe danh hiệu của đức Phật ấy; kế đó, dùng Ý Thức để chuyên chú ức niệm. Do chuyên niệm, bèn nhiếp trọn sáu căn, mắt, [tai], mũi, lưỡi, thân, [ý]; sáu thức như thế, thấy đều chẳng hiện hành. Cứ niệm không ngừng, niệm đến tột bậc, [các tình thức] mất đi. Cái gọi là suy tưởng “luôn cân nhắc, suy lường” sẽ vắng lặng. Chẳng ngừng quên mất [sự suy lường ấy], quên đến tột cùng, nó sẽ bị biến đổi. Nói là “chân và vọng hòa hợp” nghĩa là vọng đã tiêu thì thức thứ bảy và thức thứ tám cũng đều chẳng hiện hành. Cái chủ yếu đã chẳng còn, những thứ phụ thuộc nương tựa vào đâu? Há còn luận định năm mươi một thứ [Tâm Sở] chi nữa? Ngay trong lúc ấy, sóng to lẫn sóng nhẹ đều thành nước lặng. Mây dày, sương mỏng, đều thành bầu trời quang đãng, chỉ là nhất tâm, chẳng còn có các pháp nào khác. Vì thế nói: “Không gì chẳng là một”).

Liên Trì đại sư giải thích vấn đề này, chẳng dùng quá nhiều lời lẽ, xác thực là đơn giản, trọng yếu, tường tận, rõ ràng! Ngài nói rất rõ ràng, minh bạch. Ngài kết luận, một câu Phật hiệu bao gồm Tông Môn lẫn Giáo Hạ, hoàn toàn giống như lời khai thị về Niệm Phật sau này của ngài Ngẫu Ích. Ngài Ngẫu Ích là tư thực đệ tử của Liên Trì đại sư, Ngài học

theo Liên Trì đại sư, đương nhiên Di Đà Kinh Sớ Sao là một bộ sách giáo khoa quan trọng nhất của Ngài, nhất định là Ngẫu Ích đại sư rất thông thuộc đoạn này. Do vậy, lời khai thị về Niệm Phật của Ngài có thể nói là trình bày đoạn này theo cách thức gần gũi, dễ hiểu. Đối với những người thông đạt giáo nghĩa, đọc đoạn này sẽ chẳng có vấn đề gì, vừa xem liền hiểu rõ! Nếu đối với những ai ít đọc kinh luận Đại Thừa hơn, xem đoạn này vẫn gặp khó khăn. Tuy pháp sư Cổ Đức có chú giải, ắt vẫn cần phải giải thích cặn kẽ thêm, chúng ta mới thật sự hiểu rõ Phật hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn; sau đấy, chúng ta mới chịu khăng khăng một mực thật thà niệm Phật. Biết ta niệm một câu Phật hiệu này tốt đẹp, Tông Môn lẫn Giáo Hạ ta đều thành tựu, đây là phương pháp tu học rất thù thắng. Các vị tham Thiền suốt một đời chưa chắc đã khai ngộ, quý vị nghiên cứu Giáo suốt một đời cũng chưa chắc là có thể đại khai viên giải, ta do niệm một câu Phật hiệu bèn thành công. Không chỉ là đại khai viên giải, mà còn là đại triệt đại ngộ, mầu nhiệm ở chỗ này! Hôm nay đã hết thời gian rồi!